

**KẾT QUẢ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHÓA XVII, NHIỆM KỲ 2026-2031**

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-UBBC ngày 18/3/2026 của Ủy ban bầu cử thành phố Hải Phòng)

STT	Đơn vị bầu cử	Họ và tên người ứng cử đại biểu HĐND	Số phiếu bầu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu hợp lệ
1	Đơn vị bầu cử số 1	1. Ngô Thị Thùy Dương	19.325	10,90%
		2. Lê Thị Thanh Hà	147.441	83,13%
		3. Đặng Thị Thanh Huyền	19.429	10,95%
		4. Trần Thu Hương	169.641	95,65%
		5. Phạm Quốc Ka	162.621	91,69%
		6. Lê Trung Kiên	174.526	98,40%
		7. Đoàn Thị Hồng Minh	18.822	10,61%
		8. Nguyễn Tiến Trường	161.017	90,79%
2	Đơn vị bầu cử số 2	1. Khúc Ngọc Anh	23.986	11,30%
		2. Đào Trọng Đức	205.344	96,78%
		3. Nguyễn Bá Mạnh	21.344	10,06%
		4. Bùi Văn Minh	21.122	9,95%
		5. Trần Thị Liên	194.964	91,88%
		6. Bùi Thanh Tùng	195.210	92,00%
		7. Trần Quang Tường	200.586	94,53%
		8. Lê Thị Vân	194.871	91,84%
3	Đơn vị bầu cử số 3	1. Trần Thị Lan Anh	127.186	94,84%
		2. Trần Tiến Dũng	119.791	89,32%
		3. Nguyễn Kiều Đông	8.575	6,39%
		4. Nguyễn Thị Thúy Hằng	8.918	6,65%
		5. Vũ Đức Khiên	10.820	8,07%
		6. Phạm Văn Thép	130.587	97,37%
		7. Vương Toàn Thu Thủy	126.007	93,96%
4	Đơn vị bầu cử số 4	1. Nguyễn Thị Ngọc Anh	13.967	8,20%
		2. Hoàng Minh Cường	165.993	97,50%
		3. Nguyễn Thị Hòa (Nghệ sĩ Nhân dân Khánh Hòa)	153.642	90,24%
		4. Phạm Thị Xuân Quyên	17.038	10,01%
		5. Nguyễn Thị Thủy	157.447	92,48%
		6. Nguyễn Anh Tuấn	162.070	95,20%
		7. Phạm Văn Tuấn	162.499	95,45%
		8. Phạm Thị Tuyết	14.145	8,31%

STT	Đơn vị bầu cử	Họ và tên người ứng cử đại biểu HĐND	Số phiếu bầu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu hợp lệ
5	Đơn vị bầu cử số 5	1. Đoàn Thị Thùy Dương	6.683	3,41%
		2. Đỗ Đức Hòa	188.889	96,32%
		3. Phạm Văn Khanh	190.516	97,15%
		4. Bùi Thị Tuyết Mai	187.129	95,42%
		5. Nguyễn Thị Kim Oanh	9.773	4,98%
		6. Bùi Đức Quang	192.476	98,15%
		7. Tăng Tiến San	7.839	4,00%
		8. Lê Trí Vũ	193.627	98,73%
6	Đơn vị bầu cử số 6	1. Phạm Thị Hiền	10.982	6,39%
		2. Đỗ Văn Hiến (Đỗ Mạnh Hiến)	170.926	99,50%
		3. Nguyễn Cao Lân	160.800	93,61%
		4. Lê Anh Quân	168.586	98,14%
		5. Vũ Phương Thảo	11.591	6,75%
		6. Ngô Thị Thanh Thủy	158.133	92,06%
		7. Lê Văn Triển	12.564	7,31%
		8. Bùi Thị Hồng Vân	162.136	94,39%
7	Đơn vị bầu cử số 7	1. Nguyễn Đình Chuyền	189.936	98,11%
		2. Phạm Minh Đức	186.942	96,56%
		3. Lê Minh Quang	184.402	95,25%
		4. Lê Trung Sơn	183.745	94,91%
		5. Nguyễn Thị Thanh Tâm	16.367	8,45%
		6. Phạm Thị Thanh	173.597	89,67%
		7. Lê Thị Thủy	14.444	7,46%
		8. Bùi Thị Cẩm Tú	13.698	7,08%
8	Đơn vị bầu cử số 8	1. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	11.302	7,24%
		2. Trần Thị Thanh Huyền	11.900	7,62%
		3. Bùi Văn Khả	10.861	6,96%
		4. Phạm Văn Lập	154.755	99,16%
		5. Nguyễn Thị Minh Ngọc	138.466	88,72%
		6. Nguyễn Ngọc Tú	148.046	94,86%
		7. Nguyễn Thanh Tùng	137.779	88,28%
9	Đơn vị bầu cử số 9	1. Lê Ngọc Châu	214.211	99,88%
		2. Vũ Thị Trung Hà	15.830	7,38%
		3. Trịnh Thị Hào	17.002	7,93%
		4. Trần Văn Phương	200.541	93,50%
		5. Nguyễn Thị Thu	204.153	95,19%
		6. Lê Quốc Tiến	201.731	94,06%
		7. Nguyễn Anh Tuấn	200.105	93,30%
		8. Nguyễn Văn Tuyên	14.834	6,92%

STT	Đơn vị bầu cử	Họ và tên người ứng cử đại biểu HĐND	Số phiếu bầu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu hợp lệ
10	Đơn vị bầu cử số 10	1. Vũ Việt Cường	19.029	11,66%
		2. Lê Hồng Diên	153.217	93,92%
		3. Lê Văn Hiệu	157.099	96,30%
		4. Ngô Thị Thanh Hòa	153.944	94,36%
		5. Tạ Thị Thúy Ngân	150.518	92,26%
		6. Phạm Thị Thanh	19.965	12,24%
		7. Bùi Khánh Thành	146.177	89,60%
		8. Lương Thị Huyền Trang	13.573	8,32%
11	Đơn vị bầu cử số 11	1. Phạm Trung Nghĩa	124.546	88,19%
		2. Nguyễn Văn Nhang	12.365	8,76%
		3. Nguyễn Thị Thắm	15.384	10,89%
		4. Nguyễn Anh Tuấn	135.214	95,74%
		5. Nguyễn Trọng Tuệ	131.607	93,19%
		6. Đoàn Đình Tuyền	130.859	92,66%
		7. Nguyễn Thị Vân	12.138	8,59%
12	Đơn vị bầu cử số 12	1. Bùi Sỹ Hoàn	167.001	91,28%
		2. Nguyễn Thị Thanh Hương	23.659	12,93%
		3. Trịnh Thúy Nga	164.270	89,79%
		4. Đặng Thị Nhiệm	25.185	13,77%
		5. Lương Thị Trang Nhung	26.156	14,30%
		6. Nguyễn Văn Phú	168.542	92,12%
		7. Vương Văn Thử (Hòa Thượng Thích Thanh Vân)	164.748	90,05%
		8. Lương Văn Việt	170.231	93,05%
13	Đơn vị bầu cử số 13	1. Lưu Tuấn Dũng	174.658	88,30%
		2. Hà Thị Hiện	23.513	11,89%
		3. Vũ Tiến Phụng	185.138	93,60%
		4. Phạm Hồng Thuát	185.414	93,73%
		5. Trịnh Thị Thủy	181.393	91,70%
		6. Nguyễn Khắc Toàn	183.628	92,83%
		7. Vũ Anh Tuấn	28.824	14,57%
		8. Hoàng Văn Tường	22.770	11,51%
14	Đơn vị bầu cử số 14	1. Trịnh Ngọc Ánh	142.621	90,38%
		2. Đinh Thị Minh Châu	18.968	12,02%
		3. Nguyễn Thị Mai Hương	23.462	14,87%
		4. Nguyễn Mạnh Kỳ	137.660	87,23%
		5. Kiều Thị Hạnh Nguyên	28.722	18,20%
		6. Nguyễn Quang Phúc	147.895	93,72%
		7. Đinh Văn Truy	144.244	91,40%
		8. Lê Vinh	140.330	88,92%

STT	Đơn vị bầu cử	Họ và tên người ứng cử đại biểu HĐND	Số phiếu bầu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu hợp lệ
15	Đơn vị bầu cử số 15	1. Phạm Thị Chấn (Ngọc Minh Châu)	15.524	9,63%
		2. Nguyễn Hoàng Dương	153.881	95,42%
		3. Nguyễn Thị Thu Huyền	15.727	9,75%
		4. Tăng Thị Phương	147.735	91,61%
		5. Phạm Thị Thanh Tâm	153.776	95,36%
		6. Bùi Văn Thăng	155.688	96,54%
		7. Trịnh Văn Thiện	152.494	94,56%
		8. Bùi Thị Tươi	10.792	6,69%
16	Đơn vị bầu cử số 16	1. Phạm Thị Hải	4.389	3,00%
		2. Nguyễn Minh Hùng	143.516	98,07%
		3. Nguyễn Ngọc Long	5.765	3,94%
		4. Bùi Thị Thúy Phương	5.706	3,90%
		5. Nguyễn Vĩnh Sơn	141.429	96,65%
		6. Nguyễn Hữu Thông	141.352	96,59%
		7. Sái Thị Yến	141.666	96,81%
17	Đơn vị bầu cử số 17	1. Nguyễn Hữu Đạo	12.199	8,06%
		2. Nguyễn Thị Huyền	141.315	93,31%
		3. Hồ Ngọc Lâm	143.367	94,67%
		4. Phạm Cửu Long	142.050	93,80%
		5. Nguyễn Văn Mạnh	15.944	10,53%
		6. Nguyễn Hồng Quang	141.997	93,76%
		7. Nguyễn Thị Thu Thủy	15.724	10,38%
		8. Nguyễn Đức Tuấn	142.021	93,78%
18	Đơn vị bầu cử số 18	1. Nguyễn Hồng Chuyên	7.597	5,27%
		2. Trần Văn Quân	139.082	96,55%
		3. Nguyễn Thị Thanh Thúy	138.790	96,34%
		4. Hoàng Quốc Thương	140.691	97,66%
		5. Lã Thị Như Trang	8.378	5,82%
		6. Phạm Văn Tuấn	134.614	93,45%
		7. Phạm Tuấn Vũ	5.899	4,09%

Hải Phòng, ngày 18 tháng 3 năm 2026

TM. ỦY BAN BẦU CỬ
CHỦ TỊCH



Lưu Văn Hiệu